

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty sản xuất xuất nhập khẩu may Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 05 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300742387 (đăng ký lần đầu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002036 ngày 07 tháng 01 năm 2004) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần 01 đến lần 08 về việc bổ sung chức năng kinh doanh, tên và địa chỉ của các Chi nhánh, thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 20 tháng 6 năm 2012:

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Lê Quang Hùng	207.324	2.073.240.000	2,34
Ông Nguyễn Ân	194.628	1.946.280.000	2,19
Bà Đỗ Thị Kim Nhân	132.365	1.323.650.000	1,49
Ông Nguyễn Hoàng Giang	90.084	900.840.000	1,02
Ông Lâm Từ Thanh	155.140	1.551.400.000	1,75
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	5.065	50.650.000	0,06
Các cổ đông khác	8.083.965	80.839.650.000	91,15
Cộng	8.868.571	88.685.710.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 22 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là GMC.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 398 44 822
Fax : (84-8) 398 44 746
E-mail : gmsg@hcm.fpt.vn
Mã số thuế : 0300742387

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp may An Nhơn	236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp may Bình Tiên	55E Minh Phụng, phường 5, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp may An Phú	14/5 ấp Chánh 2, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp may Tân Phú	333 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp giặt Bình Chánh	Lô H 38C đường số 6 Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đại lý, môi giới, đầu giá. Chi tiết: môi giới thương mại.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành may.
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chỉ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng; kinh doanh nhà; cho thuê nhà xưởng.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh nguyên phụ liệu phục vụ ngành may.
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại.
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: tư vấn quản lý kinh doanh; kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu.
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Chi tiết: công nghiệp dệt len các loại.
- Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất vải dệt thoi. Chi tiết: công nghiệp dệt và các loại.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: dịch vụ vận tải.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao.
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

- Chia cổ tức (25%vốn điều lệ, Công ty đã tạm chia 10% vào năm trước)	13.228.966.500 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	2.063.396.438 VND
- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	848.801.698 VND
- Trích thưởng Hội đồng quản trị	1.795.206.791 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	5.804.898.533 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	8.707.347.800 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Hùng	Chủ tịch	31 tháng 12 năm 2003	-
Ông Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch	31 tháng 12 năm 2003	-
Bà Đỗ Thị Kim Nhân	Thành viên	31 tháng 12 năm 2003	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	31 tháng 12 năm 2003	-
Ông Lâm Tử Thanh	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Thanh Thị Huệ	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	04 tháng 8 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Chín	Trưởng ban	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Liêu Sanh Thu Cúc	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ân	Tổng Giám đốc	27 tháng 01 năm 2004	-
Bà Đỗ Thị Kim Nhân	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 4 năm 2010	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 4 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 4 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Xác nhận của Ban điều hành, quản lý

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính Công ty mẹ giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Lê Quang Hùng
Chủ tịch

Ngày 14 tháng 8 năm 2012





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0707/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 28 tháng 7 năm 2012, từ trang 07 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính giữa niên độ; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính giữa niên độ. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Phùng Thị Quang Thái - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0094/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2012

[Signature]

Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1182/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		406.978.498.860	266.339.823.617
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.383.534.562	16.357.573.577
1. Tiền	111		17.383.534.562	16.357.573.577
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.586.645.046	102.512.519.964
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	111.928.297.465	80.890.188.218
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	29.935.680.848	14.745.610.319
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	6.722.666.733	6.876.721.427
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	226.960.728.766	142.845.305.675
1. Hàng tồn kho	141		226.960.728.766	142.845.305.675
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.047.590.486	4.624.424.401
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.548.774.486	4.422.724.401
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	498.816.000	201.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		121.700.226.087	119.202.801.732
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.728.361	25.728.361
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		25.728.361	25.728.361
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		85.433.055.226	83.151.297.464
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	73.414.379.226	71.194.570.300
<i>Nguyên giá</i>	222		165.749.387.400	157.529.939.721
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(92.335.008.174)	(86.335.369.421)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		22.302.783	22.302.783
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(22.302.783)	(22.302.783)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	12.018.676.000	11.956.727.164
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		33.699.820.000	33.699.820.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	15.000.000.000	15.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	4.341.000.000	4.341.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	17.289.920.000	17.289.920.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.12	(2.931.100.000)	(2.931.100.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.541.622.500	2.325.955.907
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	2.290.820.553	2.075.153.960
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	250.801.947	250.801.947
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		528.678.724.947	385.542.625.349

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		365.155.208.836	221.361.600.038
I. Nợ ngắn hạn		310		363.747.873.788	219.611.283.240
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.15	212.749.792.088	91.738.121.735
2. Phải trả người bán		312	V.16	76.924.827.102	66.514.469.938
3. Người mua trả tiền trước		313	V.17	190.686.259	2.922.137.480
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.18	10.492.958.741	6.895.105.119
5. Phải trả người lao động		315	V.19	49.722.101.758	44.884.607.876
6. Chi phí phải trả		316	V.20	2.131.675.607	5.638.441.689
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.21	5.331.512.138	578.221.256
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.22	6.204.320.095	440.178.147
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		1.407.335.048	1.750.316.798
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	V.23	1.407.335.048	1.750.316.798
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		163.523.516.111	164.181.025.311
I. Vốn chủ sở hữu		410		163.523.516.111	164.181.025.311
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.24	88.685.710.000	88.685.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.24	5.765.652.370	5.765.652.370
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414	V.24	(863.138.686)	(863.138.686)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416	V.24	-	5.132.522.606
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.24	31.902.764.910	26.097.866.377
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.24	7.893.690.896	5.830.294.458
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.24	30.138.836.621	33.532.118.186
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		528.678.724.947	385.542.625.349

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		2.391.183.325	2.712.572.487
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.043.554,04	708.216,20
Euro (EUR)		3.443,48	3.446,29
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Trần Thị Mỹ Hạnh
Người lập biểu

Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2012

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	443.639.667.615	289.238.331.966
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	27.308.693	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	443.612.358.922	289.238.331.966
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	371.191.754.973	230.713.775.253
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.420.603.949	58.524.556.713
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	7.415.125.736	11.779.113.318
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	4.669.716.855	9.646.919.667
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.811.127.526	2.855.612.437
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	7.023.596.022	6.922.072.558
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	35.636.878.020	35.604.538.467
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.505.538.788	18.130.139.339
11. Thu nhập khác	31	VL.7	1.319.302.924	653.438.009
12. Chi phí khác	32		43.371.399	7.863.319
13. Lợi nhuận khác	40		1.275.931.525	645.574.690
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.781.470.313	18.775.714.029
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		6.909.190.575	3.853.778.228
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>26.872.279.738</u>	<u>14.921.935.801</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.8	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2012


Trần Thị Mỹ Hạnh
Người lập biểu

Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.781.470.313	18.775.714.029
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7	6.094.428.923	4.967.376.418
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(702.579.000)	(970.016.681)
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	3.811.127.526	2.855.612.437
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		42.984.447.762	25.628.686.203
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(51.057.821.449)	22.483.457.221
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(84.115.423.091)	(172.434.397.514)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.607.339.622	25.431.746.261
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(215.666.593)	(575.384.817)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.3, V.20	(3.529.327.142)	(3.048.475.919)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(1.155.661.788)	(4.522.240.528)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.332.633.749)	(5.114.453.807)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(99.814.746.428)	(112.151.062.900)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7, V.8, VII	(11.351.598.851)	(13.897.526.679)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	126.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(36.050.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	702.579.000	610.155.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.649.019.851)	(13.197.421.679)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(774.388.686)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	292.260.973.516	241.051.534.311
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(171.951.935.252)	(114.017.071.926)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24	(8.819.311.000)	(8.865.021.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		111.489.727.264	117.395.052.699
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.025.960.985	(7.953.431.880)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	16.357.573.577	26.269.686.929
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	17.383.534.562	18.316.255.049



Trần Thị Mỹ Hạnh
Người lập biểu



Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : May công nghiệp; kinh doanh dịch vụ giặt tẩy.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Công ty có 2.320 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.197 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính Công ty mẹ được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính Công ty mẹ.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Kỳ này Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 04 năm.

Chi phí sửa chữa

Các khoản chi phí phát sinh để sửa chữa xưởng Tân Xuân được phân bổ vào chi phí trong thời gian từ 01 năm đến 04 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí. Trong năm nay Công ty không tiến hành trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau. Công việc này không được thực hiện tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
: 27.042 VND/EUR

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	213.260.223	919.094.711
Tiền gửi ngân hàng	17.170.274.339	15.438.478.866
Cộng	17.383.534.562	16.357.573.577

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	57.240.400.894	51.631.731.756
Công ty TNHH SX TM Việt Thắng Jean	-	873.714.657
Công ty TNHH Thời Trang Xanh Cơ Bản	29.143.677.382	28.036.947.433
Công ty TNHH B & O	23.190.161.869	16.809.470.282
Công ty TNHH MTV Con Đường Xanh Quảng Nam	336.176.529	2.818.977.040
Công ty TNHH May Tân Mỹ	902.441.744	622.988.590
Công ty TNHH Khang Minh	1.422.022.647	2.393.032.245
Các khách hàng khác	2.245.920.723	76.601.509
Khách hàng nước ngoài	54.687.896.571	29.258.456.462
Promiles S.N.C	10.514.204.930	9.128.861.579
New Wave Group SA	4.856.557.402	270.191.438
Columbia Sportswear Company	27.585.375.225	17.835.957.831
Asmara International Limited	8.032.280.710	394.059.511
Niteijin	3.684.732.672	774.642.473
Apparel	-	839.805.788
Các khách hàng khác	14.745.632	14.937.842
Cộng	111.928.297.465	80.890.188.218

Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Nhà cung cấp trong nước</i>	<i>27.171.417.577</i>	<i>12.165.612.660</i>
Công ty Cổ phần Phú Mỹ	9.446.981.534	9.446.981.534
Công ty TNHH TM&SX Dệt May Minh Đông	2.218.358.250	1.706.888.626
Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Trí Tín	123.500.000	123.500.000
Công ty TNHH GC CK Chế Tạo Máy Kiểu Minh	110.000.000	110.000.000
Công ty Cổ phần TV ĐT & TKXD CD	-	583.000.000
Các nhà cung cấp khác	15.272.577.793	195.242.500
<i>Nhà cung cấp nước ngoài</i>	<i>2.764.263.271</i>	<i>2.579.997.659</i>
ADT	-	93.029.143
Chnewwide	-	416.969.270
Joyoung	-	1.375.928.896
HTT Insprise (Xiamen)IMP &EXP Co.,Ltd	157.403.194	-
Kai Cherng Enterprise Co.,Ltd	2.073.499.873	124.190.074
Zhangjiang weixing	-	282.390.190
Shanghai Dragon	-	138.434.760
Các nhà cung cấp khác	533.360.204	149.055.326
Cộng	29.935.680.848	14.745.610.319

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu tiền ứng thuê đất tại Cụm công nghiệp		
Hắc Dịch cho Công ty TNHH may Tân Mỹ	3.670.052.514	3.670.052.514
Cho Công ty Cổ phần Phú Mỹ mượn tiền để xây dựng trạm xử lý nước thải	1.862.831.120	1.562.831.120
Phải thu khác	1.189.783.099	1.643.837.793
Cộng	6.722.666.733	6.876.721.427

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	130.646.611.348	74.408.429.891
Công cụ, dụng cụ	1.029.489.897	925.232.836
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.279.378.312	755.581.357
Thành phẩm	94.005.249.209	66.756.061.591
Cộng	226.960.728.766	142.845.305.675

Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

6. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tạm ứng cho nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	72.079.620.837	73.180.589.393	7.675.477.162	4.594.252.329	157.529.939.721
Tăng trong kỳ	141.344.164	7.827.866.630	195.596.000	149.431.055	8.314.237.849
Giảm khác	(94.790.170)	-	-	-	(94.790.170)
Số cuối kỳ	72.126.174.831	81.008.456.023	7.871.073.162	4.743.683.384	165.749.387.400
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	15.214.110.736	30.932.089.880	2.951.549.954	2.808.146.224	51.905.896.794
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	33.716.923.826	44.683.969.674	4.197.143.720	3.737.332.201	86.335.369.421
Khấu hao trong kỳ	1.237.984.645	4.284.234.915	343.348.526	228.860.837	6.094.428.923
Giảm khác	(94.790.170)	-	-	-	(94.790.170)
Số cuối kỳ	34.860.118.301	48.968.204.589	4.540.492.246	3.966.193.038	92.335.008.174
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	38.362.697.011	28.496.619.719	3.478.333.442	856.920.128	71.194.570.300
Số cuối kỳ	37.266.056.530	32.040.251.434	3.330.580.916	777.490.346	73.414.379.226
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Tiền đất tại 213 Hồng Bàng	10.020.000.000	-	-	10.020.000.000
Chi phí thực hiện dự án Xí nghiệp may Tân Mỹ tại Cụm công nghiệp Hắc Dịch	1.936.727.164	46.740.000	(93.344.164)	1.890.123.000
Chi phí xây dựng tại Xí nghiệp An Phú	-	108.553.000	-	108.553.000
Cộng	11.956.727.164	155.293.000	(93.344.164)	12.018.676.000

9. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH may Tân Mỹ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500816433 thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 3 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH may Tân Mỹ 15 tỷ VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư số vốn điều lệ theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Phú Mỹ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Phú Mỹ 4.341.000.000 VND, tương đương 32,47% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**11. Đầu tư dài hạn khác**

Khoản đầu tư cổ phiếu, Chi tiết bao gồm:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần da giày Sagoda	98.155	1.919.150.000	98.155	1.919.150.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định	843.950	10.127.400.000	843.950	10.127.400.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	16.275	1.245.320.000	16.275	1.245.320.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	196.855	3.998.050.000	196.855	3.998.050.000
Cộng		17.289.920.000		17.289.920.000

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	900.000.000	900.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	2.031.100.000	2.031.100.000
Cộng	2.931.100.000	2.931.100.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	1.651.119.681	677.185.466	(502.909.851)	1.825.395.296
Chi phí sửa chữa	424.034.279	168.433.279	(127.042.301)	465.425.257
Cộng	2.075.153.960	845.618.745	(629.952.152)	2.290.820.553

14. Tài sản dài hạn khác

Khoản ký quỹ thuê nhà và ký quỹ điện thoại.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	70.127.794.499	41.569.838.104
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(b)	67.990.860.187	20.371.975.315
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) ^(a)	38.019.706.364	13.462.615.188
Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	36.611.431.038	16.333.693.128
Cộng	212.749.792.088	91.738.121.735

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) và Ngân hàng First Commercial – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động.

^(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:*

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	91.738.121.735	92.548.299.659
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	292.260.973.516	241.051.534.311
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(171.951.935.252)	(114.017.071.926)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	702.632.089	(52.367.971)
Số cuối kỳ	212.749.792.088	219.530.394.073

16. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Nhà cung cấp trong nước</i>	34.882.462.209	21.428.018.773
Avery VN	386.957.579	184.250.580
B & O	580.494.367	1.268.399.987
Công ty TNHH CN Chung Lương VN	5.371.629.466	3.880.012.928
CosmosKnitting International	76.371.558	69.270.059
Jiamei	355.293.060	159.983.306
Công ty TNHH Hai Xí	221.328.800	321.393.600
Huge Bamboo	11.504.011	15.771.967
Công ty liên doanh Coast Phong Phú	2.515.524.938	1.126.487.618
Công ty Formosa VN	1.456.262.745	1.767.649.250
Công ty TNHH Khang Minh	-	142.097.778
Công ty VN Paiho	1.449.677.083	842.038.831
Công ty Huy Hoàng	151.965.000	394.641.940
Premier VN	179.056.253	15.210.606
In Thảo Ly	114.087.248	371.834.184
Cơ sở Vinh Phát	-	144.939.080
Công ty TNHH SX-TM-XD và Bao Bì Giấy Tân Sài Gòn	-	83.366.360
Công ty TNHH Shinh VN	597.974.177	31.058.737
Công ty TNHH May Tân Mỹ	-	641.382.887
Công ty TNHH Việt Phú	175.646.104	74.892.452
Quang Thịnh Hưng	-	303.000.000
Công ty TNHH YKK VN	13.406.870.129	6.770.236.309
Các nhà cung cấp khác	7.831.819.691	2.820.100.314
<i>Nhà cung cấp nước ngoài</i>	42.042.364.893	45.086.451.165
Bemis	-	1.062.477.936
East Tung Co.,Ltd	268.616.805	1.384.413.833
Huge Rock Textile Co.,Ltd	1.789.435.158	1.891.786.620
Jbo Sporting Goods Co.,Ltd	5.191.540.392	2.728.309.499
PepWing International Coporation	13.655.679	126.367.850
Jefswin Co.,Ltd	-	136.448.810
Keen Ching	2.855.463	436.317.441
Kiyokama	55.576.432	375.279.737
SML Labels Logistic Macao Commerical	-	172.433.554
Offshore Ltd	-	172.433.554
Shanghai Sportin	2.179.386.217	3.535.662.972

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Siddipsons	2.517.569.840	5.258.651.357
Suntex	-	2.546.940.316
N.I.Teijin	21.444.012.758	22.125.133.474
Three Luster	3.776.035.499	2.116.435.970
Unitex	1.480.629.592	318.931.666
Các nhà cung cấp khác	3.323.051.058	870.860.130
Cộng	76.924.827.102	66.514.469.938

17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Onesource	755.766	2.611.144.917
Kanho	-	114.554.000
Three Luster	-	98.139.870
Các khách hàng khác	189.930.493	98.298.693
Cộng	190.686.259	2.922.137.480

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế xuất, nhập khẩu	305.412.726	3.416.408.747	(3.420.609.728)	301.211.745
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.129.073.870	6.909.190.575	(1.155.661.788)	9.882.602.657
Thuế thu nhập cá nhân	1.092.589.080	890.383.699	(1.785.390.949)	197.581.830
Thuế tài nguyên	-	1.872.000	(1.872.000)	-
Tiền thuê đất	321.237.562	543.609.021	(753.284.074)	111.562.509
Thuế môn bài	-	8.000.000	(8.000.000)	-
Thuế khác	1.046.791.881	-	(1.046.791.881)	-
Cộng	6.895.105.119	11.769.464.042	(8.171.610.420)	10.492.958.741

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm theo Công văn số 1467/CT-TTHT ngày 11 tháng 3 năm 2010 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp sau theo Công văn số 1257/CT-TKN ngày 01 tháng 02 năm 2007 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Năm tài chính 2004 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.781.470.313	18.775.714.029
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	358.020.299	219.708.096
- Các khoản điều chỉnh giảm	(702.579.000)	(851.880.000)
Thu nhập tính thuế	33.436.911.612	18.143.542.125
Trong đó:		
- Thu nhập tính thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh chính (thuế suất 20%)	29.000.746.567	13.642.146.061
- Thu nhập tính thuế khác (thuế suất 25%)	4.436.165.045	4.501.396.064
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	6.909.190.575	3.853.778.228

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sử dụng chung phục vụ sản xuất với mức 2.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với:

- Diện tích 13.765,9 m² đất đang sử dụng với mức 33.750 VND/m²/năm để làm văn phòng và xưởng may tại 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp theo Hợp đồng thuê đất số 1186/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 16 tháng 02 năm 2006 ký với Sở Tài nguyên Môi trường.
- Diện tích 766,8 m² đất đang sử dụng với mức 129.600 VND/m²/năm để làm xưởng may công nghiệp tại 55E Minh Phụng, phường 5, quận 6 theo Hợp đồng thuê đất số 5570/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 16 tháng 8 năm 2005 ký với Sở Tài nguyên Môi trường. Thời hạn thuê đất 05 năm kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2005.
- Diện tích 15.033 m² đất đang sử dụng với mức 1.521 VND/m²/năm để xây dựng nhà xưởng sản xuất tại xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn (cũ) theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 21/TB-TB ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh - Chi cục thuế Hóc Môn. Thời hạn thuê đất 20 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1996.
- Diện tích 1.647 m² đất đang sử dụng với mức 54.000 VND/m²/năm để làm văn phòng và xưởng may mặc tại 332 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú theo Hợp đồng thuê đất số 6182/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 01 tháng 8 năm 2008 ký với Sở Tài nguyên Môi trường.
- Diện tích 1.873,6 m² đất tại 213 Hồng Bàng, phường 11, quận 5 đang sử dụng với mức 219.600 VND/m²/năm theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 4332/TB.CCT-TP 11,12,15 ngày 28 tháng 6 năm 2011 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh - Chi cục thuế quận 5.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương, thưởng	24.186.981.049	18.960.948.340
Các khoản khác	25.535.120.709	25.923.659.536
Cộng	49.722.101.758	44.884.607.876

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**20. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả hàng FOB	60.502.912	3.049.146.638
Chi phí phải trả hàng nội địa	148.701.640	2.048.853.112
Tiền lương phép	1.422.871.566	322.642.834
Chi phí lãi vay	409.599.489	127.799.105
Chi phí phải trả khác	90.000.000	90.000.000
Cộng	<u>2.131.675.607</u>	<u>5.638.441.689</u>

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	580.373.700	79.951.600
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	341.482.938	498.269.656
Cổ tức phải trả	4.409.655.500	-
Cộng	<u>5.331.512.138</u>	<u>578.221.256</u>

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	440.178.147	434.596.865
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	8.707.347.800	5.171.608.939
Chi quỹ	(2.943.205.852)	(1.886.453.990)
Số cuối kỳ	<u>6.204.320.095</u>	<u>3.719.751.814</u>

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.750.316.798	575.358.999
Số trích lập bổ sung	-	688.382.460
Số đã chi	(342.981.750)	(252.422.473)
Số cuối kỳ	<u>1.407.335.048</u>	<u>1.011.318.986</u>

24. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 38.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Trả cổ tức năm trước	8.819.311.000	8.865.021.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	<u>8.819.311.000</u>	<u>8.865.021.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.868.571	8.868.571
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.868.571	8.868.571
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.868.571	8.868.571
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	49.260	49.260
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.260	49.260
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.819.311	8.819.311
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.819.311	8.819.311
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	443.639.667.615	289.238.331.966
- Doanh thu bán thành phẩm	443.639.667.615	287.425.366.173
+ <i>Doanh thu xuất khẩu FOB</i>	360.744.401.827	283.304.430.794
+ <i>Doanh thu xuất khẩu CMP</i>	7.588.137.774	2.126.893.823
+ <i>Doanh thu nội địa</i>	75.307.128.014	1.994.041.556
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.218.421.241
- Doanh thu cung cấp nguyên vật liệu	-	594.544.552
Các khoản giảm trừ doanh thu (giảm giá hàng bán)	(27.308.693)	-
Doanh thu thuần	443.612.358.922	289.238.331.966
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	443.612.358.922	287.425.366.173
+ <i>Doanh thu thuần xuất khẩu FOB</i>	360.720.757.672	283.304.430.794
+ <i>Doanh thu thuần xuất khẩu CMP</i>	7.588.137.774	2.126.893.823
+ <i>Doanh thu thuần nội địa</i>	75.303.463.476	1.994.041.556
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	1.218.421.241
- Doanh thu thuần cung cấp nguyên vật liệu	-	594.544.552

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	371.191.754.973	230.111.855.120
Giá vốn nguyên vật liệu	-	601.920.133
Cộng	371.191.754.973	230.713.775.253

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	46.291.556	44.709.106
Lãi thu được từ hoạt động liên kết với Bệnh viện đại học Y Dược	4.377.240.000	4.371.150.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	702.579.000	851.880.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.289.015.180	6.492.476.572
Chiết khấu thanh toán	-	18.897.640
Cộng	7.415.125.736	11.779.113.318

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.811.127.526	2.855.612.437
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	512.460.295	6.659.709.527
Chiết khấu thanh toán	346.129.034	131.597.703
Cộng	4.669.716.855	9.646.919.667

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	2.093.664.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.023.596.022	4.822.741.594
Chi phí khác	-	5.666.000
Cộng	7.023.596.022	6.922.072.558

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	28.223.325.875	28.565.922.143
Chi phí đồ dùng văn phòng	832.306.065	778.767.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.545.010.632	2.103.020.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.044.916.322	1.933.832.425
Chi phí khác	2.991.319.126	2.222.996.270
Cộng	35.636.878.020	35.604.538.467

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	126.000.000
Thu nhập từ các khoản không phải thanh toán do hàng không đạt chất lượng	1.245.340.754	527.438.009
Thu tiền bồi thường	73.962.170	-
Cộng	1.319.302.924	653.438.009



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	265.655.597.534	253.470.658.999
Chi phí nhân công	93.265.626.238	89.962.413.187
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.094.428.923	4.967.376.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.394.817.851	34.615.699.588
Chi phí khác	4.412.869.800	3.143.790.438
Cộng	415.823.340.346	386.159.938.630

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công nợ phải thu, phải trả liên quan đến tài sản cố định như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	1.736.899.750	1.072.338.916
Trả trước cho người bán để đầu tư mua sắm tài sản cố định	13.857.044.534	10.263.481.534

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	426.398.985	423.500.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	41.914.320	52.312.800
Phụ cấp, thù lao Hội đồng quản trị	975.688.750	668.014.336
Cộng	1.444.002.055	1.143.827.136

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH may Tân Mỹ	Công ty con
Công ty cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Blue Exchange	Công ty có chủ sở hữu là cổ đông góp vốn
Công ty TNHH MTV con đường xanh Quảng Nam	Công ty có chủ sở hữu là cổ đông góp vốn
Công ty TNHH B&O	Công ty có chủ sở hữu là cổ đông góp vốn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH may Tân Mỹ		
Chi phí gia công may phải trả	31.392.630.908	23.326.893.388
Cung cấp nguyên vật liệu phụ, chi phí may gia công	951.215.405	94.101.869
Mua nguyên phụ liệu	165.912.282	-
Cho thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị	1.274.114.935	1.034.576.734
Công ty cổ phần Phú Mỹ		
Giá trị thi công hoàn thành tăng tài sản công trình Tân Mỹ	-	15.980.000
Cho mượn tiền để xây dựng trạm xử lý nước thải	300.000.000	-
Công ty TNHH MTV Blue Exchange		
Bán hàng	41.709.260.968	-
Công ty TNHH MTV con đường xanh Quảng Nam		
Bán hàng	612.726.276	-
Công ty TNHH B&O		
Mua nguyên phụ liệu và phụ gia công	527.722.152	-
Bán hàng	23.236.032.014	460.350.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH may Tân Mỹ		
Tiền thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị	902.441.744	622.988.590
Ứng trước tiền gia công	3.085.372.293	-
Công ty cổ phần Phú Mỹ		
Ứng trước tiền thi công công trình nhà lưu trú cho công nhân Tân Mỹ	9.446.981.534	9.446.981.534
Cho mượn tiền để xây dựng trạm xử lý nước thải	1.862.831.120	1.562.831.120
Phải thu lại khoản đã ứng tiền thuê đất tại cụm công nghiệp Hắc Dịch	3.670.052.514	3.670.052.514
Công ty TNHH MTV Blue Exchange		
Tiền hàng phải thu	29.143.677.382	28.036.947.433
Công ty TNHH MTV con đường xanh Quảng Nam		
Tiền hàng phải thu	336.176.529	2.818.977.040
Công ty TNHH B&O		
Tiền hàng phải thu	23.190.161.869	16.809.470.282
Cộng nợ phải thu	71.637.694.985	62.968.248.513

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH may Tân Mỹ		
Chi phí gia công may phải trả	-	641.382.887
Công ty TNHH B&O		
Tiền nguyên vật liệu phải trả	580.434.367	1.268.399.987
Cộng nợ phải trả	580.434.367	1.909.782.874

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh ngành may mặc.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu là xuất khẩu.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.383.534.562	16.357.573.577	17.383.534.562	16.357.573.577
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.358.820.000	14.358.820.000	14.358.820.000	14.358.820.000
Phải thu khách hàng	111.954.025.826	80.915.916.579	111.954.025.826	80.915.916.579
Các khoản phải thu khác	6.973.468.680	7.127.523.374	6.973.468.680	7.127.523.374
Cộng	150.669.849.068	118.759.833.530	150.669.849.068	118.759.833.530
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	212.749.792.088	91.738.121.735	212.749.792.088	91.738.121.735
Phải trả người bán	76.924.827.102	66.514.469.938	76.924.827.102	66.514.469.938
Các khoản phải trả khác	58.592.624.551	52.851.587.619	58.592.624.551	52.851.587.619
Cộng	348.267.243.741	211.104.179.292	348.267.243.741	211.104.179.292

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.18). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp

Điều khoản và điều kiện thế chấp

Số cuối kỳ

Phải thu khách hàng và Hàng tồn kho

Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Số đầu năm

Phải thu khách hàng và Hàng tồn kho

Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ hối đoái).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	212.749.792.088	-	-	212.749.792.088
Phải trả người bán	76.924.827.102	-	-	76.924.827.102
Các khoản phải trả khác	57.185.289.503	1.407.335.048	-	58.592.624.551
Cộng	346.859.908.693	1.407.335.048		348.267.243.741
Số đầu năm				
Vay và nợ	91.738.121.735	-	-	91.738.121.735
Phải trả người bán	66.514.469.938	-	-	66.514.469.938
Các khoản phải trả khác	51.101.270.821	1.750.316.798	-	52.851.587.619
Cộng	209.353.862.494	1.750.316.798		211.104.179.292

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận trước thuế
Kỳ này	+ 2	(2.641.792.866)
	- 2	2.641.792.866
Kỳ trước	+ 2	(1.395.886.959)
	- 2	1.395.886.959

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận trước thuế
Kỳ này	+ 2	(3.191.246.881)
	- 2	3.191.246.881
Kỳ trước	+ 2	(1.376.071.826)
	- 2	1.376.071.826

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2012

Trần Thị Thị Hạnh
Người lập biểu

Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

02047448-
CÔNG TY
CH NHIỆM HỮU
KIỂM TOÁN V
TƯ VẤN
TP. HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lương, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND							
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	5.765.652.370	(88.750.000)	1.422.222.253	20.819.914.139	4.261.628.040	16.540.214.208	137.406.591.010
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(774.388.686)	-	-	-	-	(774.388.686)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đầu năm	-	-	(1.422.222.253)	-	-	-	(1.422.222.253)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối năm	-	-	5.132.522.606	-	-	-	5.132.522.606
Điều chỉnh theo Biên bản quyết toán thuế từ năm 2006 - 2009	-	-	-	106.343.299	-	(570.615.794)	(464.272.495)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	41.838.544.554	41.838.544.554
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.819.311.000)	(8.819.311.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	5.171.608.939	1.568.666.418	(11.911.884.296)	(5.171.608.939)
Chi khen thưởng Hội đồng quản trị và Cán bộ công chức; chi thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(3.544.829.486)	(3.544.829.486)
Số dư cuối năm trước	5.765.652.370	(863.138.686)	5.132.522.606	26.097.866.377	5.830.294.458	33.532.118.186	164.181.025.311
Số dư đầu năm nay	5.765.652.370	(863.138.686)	5.132.522.606	26.097.866.377	5.830.294.458	33.532.118.186	164.181.025.311
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đầu năm	-	-	(5.132.522.606)	-	-	-	(5.132.522.606)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	26.872.279.738	26.872.279.738
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.228.966.500)	(13.228.966.500)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	5.804.898.533	2.063.396.438	(16.575.642.771)	(8.707.347.800)
Chi khen thưởng Hội đồng quản trị và Cán bộ công chức; chi thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(460.952.032)	(460.952.032)
Số dư cuối kỳ này	5.765.652.370	(863.138.686)	-	31.902.764.910	7.893.690.896	30.138.836.621	163.523.516.111



Handwritten signature

Trần Thị Mỹ Hạnh
Người lập biểu

Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

